

Bản tin chứng khoán

Trong số này

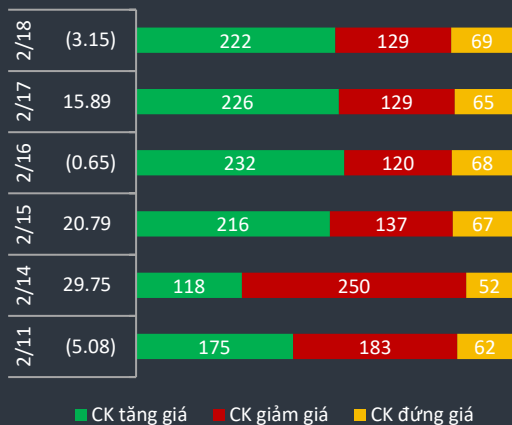
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

KBC		48.33
MSN		42.93
DXG		35.17
GMD		34.42
PNJ		28.21
VCI		24.15
GAS		22.86
DCM	(16.22)	
MSH	(16.47)	
VRE	(20.16)	
HPG	(23.09)	
NVL	(35.47)	
SSI	(58.71)	

Thị phần đảo chiều mạnh vào phiên cuối tuần với những rung lắc khá mạnh, có thời điểm giảm đến hơn 10 điểm. Thị trường đóng cửa trái ngược hẳn với hôm qua khi độ rộng thị trường gần giống y phiên trước với 222 mã xanh so với 129 mã giảm nhưng Vnindex lại mất 3 điểm. Lý do đơn giản là nhóm blue chip hôm nay mà phần lớn là cổ phiếu ngân hàng mất điểm đã làm tác động đến chỉ số chung.

Nhóm VN30 có đến 25/30 mã giảm vì vậy số VN30 giảm đến hơn 9 điểm. Nhóm Vingroup tiếp tục nằm trong nhóm giảm nhiều nhất. Cổ phiếu ngân hàng chỉ có 4 mã xanh nhẹ trong khi LPB, BID, MBB, STB giảm nhiều nhất.

Bù lại nhóm cổ phiếu mid cap và penny lại nổi sóng trong đó những nhóm ngành như bất động sản, thép, bán lẻ, phân đạm tăng tốt hôm nay. Nhiều cổ phiếu bất động sản tiếp tục nhận được lực cầu lớn như CII, DIG, LDG, QCG, HDG. Có vẻ như nhà đầu tư đã quên giai đoạn cổ phiếu bất động sản rơi sàn liên tục chỉ mới 1 tháng trước đó. Dù vậy nhiều cổ phiếu bất động sản đã giảm hơn 50% và đang chạm các vùng hỗ trợ.

Cổ phiếu phân bón điều chỉnh hôm trước có thể ảnh hưởng hoạt động phái sinh hôm nay đã tăng trở lại hàng loạt ở nhóm đầu ngành DPM, DCM, LAS. Với kết quả kinh doanh nhiều doanh nghiệp phân bón dự báo tiếp tục khả quan trong quý 1 năm nay thì giá nhiều cổ phiếu nhóm ngành này sẽ còn tăng giá ít nhất hơn 10% nữa trong thời gian tới.

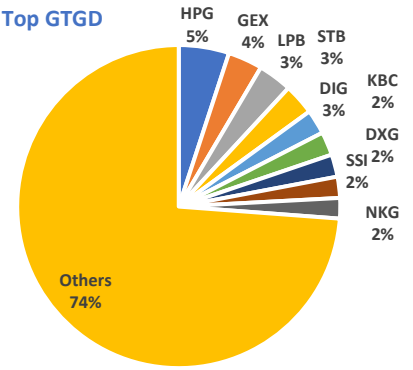
FRT tăng trần sau khi thông tin Chuỗi nhà thuốc FPT Long Châu ký hợp đồng mua 1 triệu viên thuốc trị Covid, chứa hoạt chất Molnupiravir hàm lượng 400mg với Công ty Dược phẩm Boston Việt Nam, và công ty GONSA - nhà phân phối sản phẩm Stella tại Việt Nam. Cú bức tốc của FRT kéo nhóm cổ phiếu bán lẻ tích cực hơn với DGW, PET. Dù sắp tới tiếp tục gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các chuỗi nhà thuốc lớn đặc biệt chuỗi Khang An của MWG chuẩn bị mở rộng nhưng cho đến nay chuỗi Long Châu đã có một vị trí thị phần khá cao tại thị trường TPHCM. Trong các lĩnh vực bán lẻ thì thuốc tây vẫn là thị trường cạnh tranh khó nhất và không dễ có được thị phần chi phối trong thời gian ngắn mà cần rất nhiều yếu tố hỗ trợ.

Vnindex 1,504.84

▼ -3.15 (-0.21%)



Top GTGD



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
DHG	108.9	7,000	6.87
VJC	149.0	7,400	5.23
HVN	27.3	500	1.87
REE	72.5	1,000	1.40
HPG	47.1	550	1.18
BVH	57.3	400	0.70
SSI	45.2	200	0.44
MSN	163.3	300	0.18
VIB	46.9	50	0.11
VNM	80.6	(200)	(0.25)
POW	18.6	(50)	(0.27)
PLX	59.8	(200)	(0.33)
VCB	87.2	(300)	(0.34)
MWG	134.0	(500)	(0.37)
NVL	78.5	(500)	(0.63)
FPT	92.2	(600)	(0.65)
SAB	169.4	(1,100)	(0.65)
PNJ	107.0	(900)	(0.83)
HDB	29.5	(250)	(0.84)
TPB	40.8	(350)	(0.85)
CTG	34.6	(300)	(0.86)
PDR	91.2	(800)	(0.87)
BCM	83.7	(800)	(0.95)
VIC	82.2	(900)	(1.08)
VPB	35.9	(400)	(1.10)
TCB	51.6	(600)	(1.15)
GVR	33.6	(400)	(1.18)
ACB	33.9	(450)	(1.31)
VHM	79.7	(1,100)	(1.36)
GAS	117.0	(1,700)	(1.43)
STB	33.4	(550)	(1.62)
MBB	32.7	(550)	(1.66)
VRE	33.6	(850)	(2.47)
BID	44.7	(1,300)	(2.83)

Chỉ số Vnindex gần như không thay đổi nhiều so với tuần trước tuy nhiên điểm tích cực có thể nhận thấy chính là thanh khoản thị trường đang dần gia tăng và dòng tiền xoay vòng nhanh hơn và lan tỏa đều đến nhiều nhóm ngành. Nhóm bất động sản đã trở lại là tín hiệu tích cực nhất mà nhờ đó dòng tiền mắc kẹt tại đây có thể sớm được giải phóng. Thị trường sẽ còn nhiều nhịp rung lắc nhưng xu hướng là tích cực và khả năng vùng 1500 sẽ thành điểm hỗ trợ. Nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu có thể kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận trong quý 1 năm nay bao gồm nhóm chứng khoán, phân đạm, bán lẻ, dầu khí, dệt may và ngân hàng. Nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu: **FTS, VCI, DPM, DCM, FRT, DGW, GAS, TNG, TCM, OCB, VPB, TCB, MBB, CTG.**

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	67.7	(2.3)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	0.0%
KBC	58.5	1.2	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	4.5%
HPG	47.1	(0.2)	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	4.7%
FTS	54.1	-	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	4.0%
TNG	33.0	6.8	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	13.8%
DPM	49.1	5.7	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	16.9%
VCI	60.5	(1.0)	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	4.3%
GVR	33.6	(1.0)	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	5.0%
REE	72.5	6.1	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	11.5%
NLG	55.2	3.8	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	4.2%
OCB	27.3	(4.5)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	1.5%
TCB	51.6	(3.9)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	3.2%
CTG	34.6	(6.0)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-1.1%
STK	54.6	5.8	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	3.0%
VIB	46.9	(1.8)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-0.2%
MBB	32.7	(3.8)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	12.8%
DBC	76.9	3.9	70	90	Bán	1/6/2022	3.9%
MWG	134.0	(1.0)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-0.7%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Viễn thông	3.57
Du lịch và Giải trí	2.85
Bao bì	1.76
Truyền thông	1.61
Công nghệ Thông tin	1.27
Bán lẻ	1.23
Hàng & Dịch vụ...	1.14
Vận tải - Logistics	1.03
Đệt May	0.99
Sản xuất và KD Thép	0.98
Bất động sản	0.89
Ô tô và phụ tùng	0.87
Tài nguyên Cơ bản	0.86
Bất động sản KCN	0.83
Ngân hàng	0.69
Thủy sản	0.68
Hóa chất	0.58
Hàng cá nhân & Gia...	0.45
Y tế	0.45
Cao su	0.41
Xây dựng	0.38
Thực phẩm và đồ...	0.34
Vật liệu xây dựng	0.30
Bảo hiểm	0.10
Dịch vụ tài chính	0.06
Điện	0.04
Khoáng sản (0.12)	
Dầu khí(0.39)	
Nước(0.48)	
Phân bón(0.72)	

TNG - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Doanh thu thuần tháng 1 năm nay đạt 514,87 tỷ đồng, tăng 62% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận duy trì tương tự cùng kỳ năm ngoái, chi phí bán hàng giảm nhẹ so với cùng kỳ. Nhờ doanh thu tăng trưởng cao, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 25,73 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 21,36 tỷ đồng, tăng 72% so với tháng 1 năm ngoái.

VHC – CTCP Vĩnh Hoàn - Công bố doanh thu xuất khẩu tháng 1 đạt 777 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước và giảm 13% so với tháng 12/2021.

PNJ - CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - Ngày 8/3 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021. Cổ tức được trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 6%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 600 đồng. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 7/4/2022.

GTN - Công ty cổ phần GTNfoods - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) vừa thông báo quyết định việc hủy niêm yết toàn bộ 250 triệu cổ phiếu GTN tương ứng giá trị theo mệnh giá 2.5000 tỷ đồng sẽ được hủy niêm yết kể từ ngày 8/3. Ngày giao dịch cuối cùng là 7/3. Lý do hủy niêm yết là GTNfoods sẽ sáp nhập vào Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (Vilico, UPCoM: VLC).

BAF – CTCP Nông nghiệp BaF Việt Nam - Công bố BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 với doanh thu giảm 19% xuống 10.434 tỷ đồng. Nhờ biên lãi gộp cải thiện và giảm chi phí tài chính nên lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 322 tỷ đồng, gấp 7 lần năm trước.

DXG - Tập đoàn Đất Xanh – Đã thông qua phương án phát hành tối đa 4.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng trong năm 2022. Đây là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu DXS của CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (HoSE: DXS).

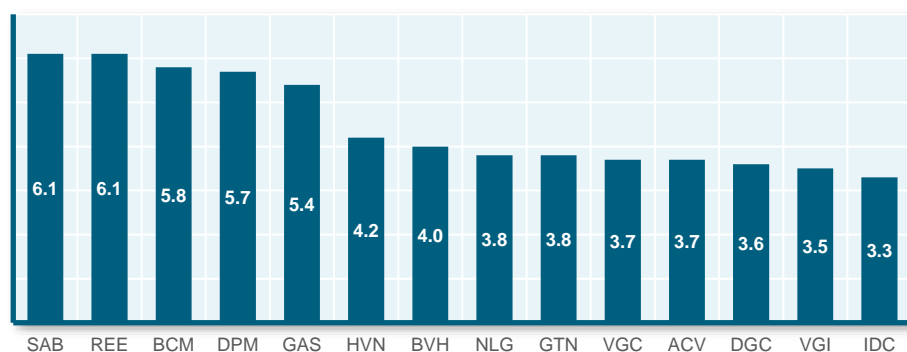
Cùng ngày, Đất Xanh cũng công bố góp thêm 4.000 tỷ đồng vào công ty con Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An. Sau khi hoàn tất, tập đoàn sẽ sở hữu phần vốn góp gần 12.800 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 99,99%. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022.

ACB - Ngân hàng TMCP Á Châu - Ngày 03/3 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Theo đó, Đại hội dự kiến tổ chức vào ngày 07/4/2022 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88 Đồng Khởi, quận 1, TP.HCM.

BCG - CTCP Bamboo Capital – Đã thông qua việc triển khai phát hành 60 triệu cổ phiếu cho một số nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, với giá chào bán 20.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I, II/2022.

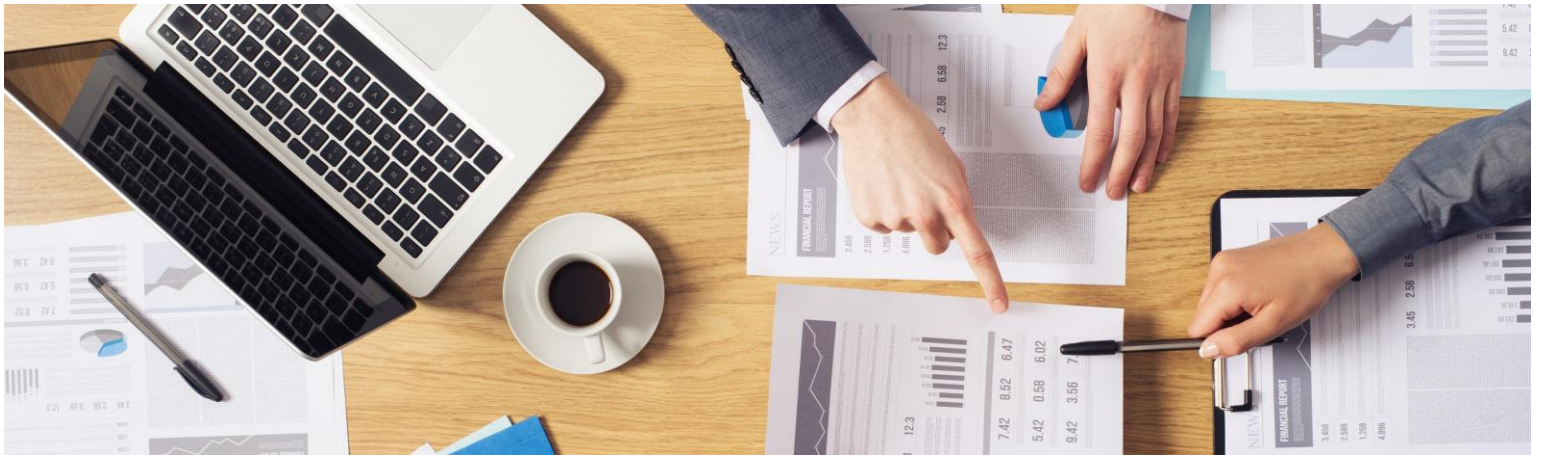


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	35.9	9,693,800	13.7	1.9	-	90,300	159,592	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.9	1,499,000	11.4	3.0	6,900	10,500	72,765	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	87.2	1,066,200	14.8	2.9	556,500	361,000	412,675	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.7	29,422	16.7	1.5	-	-	8,455	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.4	1,090,737	10.4	1.1	1,200	-	8,315	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	40.8	3,759,900	13.4	2.5	350,700	65,200	64,536	29.65	3,054	16,430
TCB	HOSE	51.6	6,543,700	10.0	1.9	-	-	181,163	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.4	18,494,900	18.5	1.8	598,400	1,029,600	62,872	18.89	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.2	1,850,900	20.5	2.9	1,000	2,700	53,521	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	22.3	9,016,600	11.9	1.7	106,200	443,900	59,471	3.34	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.1	85,345	-	1.5	-	-	5,575	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	33.4	254,709	38.0	2.4	-	-	10,020	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.3	2,599,200	8.5	1.7	23,400	5,000	37,398	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	30.3	75,001	-	2.9	2,600	-	12,326	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.7	465,370	-	-	3,200	-	10,628	0.03	-	-
MSB	HOSE	27.0	6,902,300	10.2	1.9	-	-	41,243	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	32.7	12,480,500	9.7	2.0	541,000	233,300	123,362	23.23	3,361	16,538
LPB	HOSE	23.6	28,701,200	9.9	1.7	35,500	14,400	29,231	5.00	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.1	38,840	12.9	2.1	-	-	9,796	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.5	3,744,200	9.8	1.9	163,100	67,600	59,360	16.78	3,016	15,339
EIB	HOSE	36.0	509,500	46.1	2.5	400	10,300	44,198	29.70	781	14,395
CTG	HOSE	34.6	8,303,800	11.8	1.8	85,700	269,300	166,279	26.02	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.6	2,430,018	30.4	1.6	20,000	-	7,562	0.10	678	12,638
BID	HOSE	44.7	2,995,400	21.4	2.6	28,500	12,800	226,116	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.5	40,535	23.3	1.9	-	-	16,946	-	964	12,018
ACB	HOSE	33.9	7,318,400	9.5	2.0	3,360,000	3,360,000	91,461	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	17.3	1,369,386	7.7	1.0	10,400	-	12,058	19.19	2,238	16,828
			131,358,863	16.27	2.03	5,894,700	5,975,900	1,986,925		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
5	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
13	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
14	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
27	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931